TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2023
V/v " Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đương và bà Trần Thị Minh Hợi

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Xeo Thái Dịu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX- ST ngày 12/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa só 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm Văn Mỹ (Xóm 4 cũ), xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm Văn Mỹ (Xóm 4 cũ), xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 29 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn chị N trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Chị N kết hôn vào ngày 08/03/2011 trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến năm 2021 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và sống

ly thân từ đó đến nay. Nay chị Nhường xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nhường đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương giải quyết cho chị Nhường được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Theo chị Nhường trình bày vợ chồng có 01 con chung là H, sinh ngày 20/6/2012. Hiện cháu Huy đang ở với chị Nhường. Nay ly hôn chị Nhường có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và các khoản nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh B được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của anh B và đã thực hiện việc xác minh tại UBND xã Nhân Sơn sự có mặt/vắng mặt tại nơi cư trú của anh Bắc theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là lần triệu tập hợp lệ thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đượng sự là đúng quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Về tình cảm: Cho chị N được ly hôn với anh B;

Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng: Nguyên đơn chị N yêu cầu giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 5 điều 28 và khoản 1

điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nhưng quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án đã xác định được:

Về quan hệ tình cảm: Chị N kết hôn vào ngày 08/03/2011 trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị Nhường trình bày Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến năm 2021 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình xác minh tại UBND xã Nhân Sơn đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của chị Nhường về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung. Phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, mặc dù không thu thập được lời khai của anh Bắc nhưng việc hai vợ chồng đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2021 đến nay) là đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị Nhường và anh Bắc đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thi Nhường ly hôn anh B.

Về con chung: Theo chị Nhường trình bày vợ chồng có 01 con chung là H, sinh ngày 20/6/2012. Hiện cháu Huy đang ở với chị Nhường. Nay ly hôn chị Nhường có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét, hiện cháu H đang ở với chị Nhường, cháu Quang Huy đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị Nhường, nguyện vọng của cháu Quang Huy là chính đáng, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của con chung, giao con chung là cháu H cho

chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

- *Về quan hệ tình cảm:* Cho chị N ly hôn anh B;

- *Về con chung:* Giao con chung H, sinh ngày 15/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Bắc lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung:* Không giải quyết.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thi Nhường phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002818 ngày 27/01/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Nhân Sơn;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nguyễn